

Số: 31/2022/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 10 tháng 12 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định về tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện  
theo cơ chế đặc thù giai đoạn 2021 - 2025 thuộc các Chương trình  
mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG  
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 5**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Khoản 2 Điều 57 Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật Sửa đổi,  
bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền  
địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;  
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật  
ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung  
một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020; khoản 1, khoản 3  
Điều 39 Luật Kiến trúc ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Luật Sửa đổi, bổ sung  
một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư,  
Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật  
Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của  
Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu  
quốc gia;*

*Xét Tờ trình số 128/TTr-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban  
nhân dân tỉnh Ban hành Nghị quyết Quy định về tỷ lệ số lượng dự án đầu tư  
xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù giai đoạn 2021 - 2025 thuộc các  
Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm  
tra số 294/BC-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Ban Kinh tế - ngân sách  
Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại  
kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định về tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù giai đoạn 2021 - 2025 thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Ủy ban nhân dân xã, thị trấn có liên quan đến việc thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc thực hiện các dự án theo cơ chế đặc thù thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh.

### **Điều 3. Tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 theo từng huyện:**

1. Huyện Lâm Bình: Tối thiểu 7% số dự án trong tổng số dự án đầu tư xây dựng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện trên địa bàn huyện.

2. Huyện Na Hang: Tối thiểu 15% số dự án trong tổng số dự án đầu tư xây dựng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện trên địa bàn huyện.

3. Huyện Chiêm Hóa: Tối thiểu 12% số dự án trong tổng số dự án đầu tư xây dựng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện trên địa bàn huyện.

4. Huyện Hàm Yên: Tối thiểu 16% số dự án trong tổng số dự án đầu tư xây dựng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện trên địa bàn huyện.

5. Huyện Yên Sơn: Tối thiểu 15% số dự án trong tổng số dự án đầu tư xây dựng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện trên địa bàn huyện.

6. Huyện Sơn Dương: Tối thiểu 13% số dự án trong tổng số dự án đầu tư xây dựng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện trên địa bàn huyện.

### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

### **Điều 5. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XIX, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

#### ***Nơi nhận:***

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế các Bộ: Tư pháp, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;
- Các Ban của HĐND tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, Ngành của tỉnh;
- Sở Tư pháp (đăng tải CSDLPL);
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Tuyên Quang, Đài phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Công báo Tuyên Quang, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, (Kh).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Phạm Thị Minh Xuân**